

Bản án số: 35/2024/HS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Bá Lân.

Ông Nguyễn Đức Nhơn.

Ông Nguyễn Chí Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* Võ Thị Mỹ L; sinh ngày 20/5/1984, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ T và Phan Thị Kim H; chồng đã ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 06/6/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa theo luật định cho bị cáo* Võ Thị Mỹ L: Ông Trần Văn H1 - Là Luật sư Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1979; vắng mặt tại phiên tòa;

Nơi cư trú: Số B đường T, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Ông Trần Hữu K, sinh năm 1985; có mặt tại phiên tòa;

Nơi cư trú: Số C đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Minh U, sinh năm 1990; vắng mặt tại phiên tòa;

Nơi cư trú: Số A đường M, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Trần Thanh L2, sinh năm 1988; vắng mặt tại phiên tòa.
Nơi cư trú: Tổ D, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 3. Bà Đoàn Huỳnh Thị Thúy K1, sinh năm 1967; có mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 4. Bà Nguyễn Thị Hương L3, sinh năm 1988; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Số B đường A, tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 5. Ông Tô Đình Đ, sinh năm 1990; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Số A đường T, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng.
 6. Bà Phạm Thị Thanh H2, sinh năm 1991; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Số E đường T, tổ G, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 7. Bà Phạm Thị Diễm M, sinh năm 1991; có mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
 8. Ông Phạm N, sinh năm 1965; có mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Số A đường Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 9. Ông Đinh Trọng T1, sinh năm 1977; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: 127/73 đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
- Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Xu N1, sinh năm 1991; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Số C đường L, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân L4, sinh năm 1991; vắng mặt tại phiên tòa;
Nơi cư trú: Tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 5/2022, Võ Thị Mỹ L đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền để đáo hạn ngân hàng và gia hạn thời hạn sử dụng đất để 02 người bị hại tin tưởng đưa tiền cho L rồi L chiếm đoạt, cụ thể:

1. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1979, trú tại phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Từ đầu năm 2022 đến đầu tháng 5 năm 2022, thông qua mối quan hệ quen biết với bà Phạm Thị L1 nên nhiều lần L vay tiền của bà L1 để làm ăn vì bà L1 thấy chồng L (tên Đinh Trọng T1) làm ở Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q nên tin tưởng cho L vay. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất từ 2.000đồng đến 2.500đồng/triệu/ngày, tùy theo khoản vay. Bà L1 và L giao dịch với nhau bằng chuyển khoản và tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì. Trong thời gian này, L

nhiều lần trả tiền gốc và lãi vay cho bà L1, cũng có những lúc bà L1 cần tiền thì L cho bà L1 mượn tiền. Tính đến thời điểm khoảng giữa tháng 5 năm 2022, qua chốt nợ thì L còn nợ bà L1 số tiền 250.000.000 đồng.

Đến ngày 26/5/2022, L tiếp tục hỏi vay tiền của bà L1, lúc đó L nói vay để đáo hạn ngân hàng và gia hạn thời hạn sử dụng thửa đất tại Phường N, thị xã Đ và căn nhà tại số B V, thành phố Q nên bà L1 tin tưởng và đưa tiền cho L vay số tiền 450.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 450.000.000 đồng, thực tế L không làm đáo hạn ngân hàng cũng như không gia hạn thời hạn sử dụng thửa đất như đã nói với bà L1, số tiền nhận của bà L1 thì L đã sử dụng để trả nợ cho người khác nhưng L không nhớ cụ thể đã trả cho ai. Tổng số tiền mà L nợ bà L1 là 700.000.000 đồng.

Qua tìm hiểu bà L1 biết được L đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền nên bà L1 gửi đơn tố giác hành vi phạm tội của L. Vào ngày 25/4/2023, L đã trả cho bà L1 số tiền 20.000.000 đồng. Hiện nay, L còn nợ bà L1 số tiền 680.000.000 đồng.

Qua điều tra, L khai: Khi vay tiền của bà L1 thì hai bên thỏa thuận mức lãi suất 3.000đồng/triệu/ngày (tức 09%/tháng, tương ứng 108%/năm) nên đã tố giác bà L1 có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tuy nhiên, quá trình vay mượn hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Ngoài lời khai của L thì không có tài liệu nào thể hiện việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất về nội dung này nhưng L và bà L1 vẫn giữ nguyên lời khai nên không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Phạm Thị L1 về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Võ Thị Mỹ L đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt của bà Phạm Thị L1 số tiền 450.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền 250.000.000 đồng mà L và bà L1 đã chốt nợ vào giữa tháng 5/2022, đây là khoản tiền L vay của bà L1 nhiều lần cộng dồn lại, trong đó có cả chuyển khoản và tiền mặt nhưng không viết giấy tờ gì và L cũng không đưa ra thông tin gian dối nên không đủ cơ sở để chứng minh L đã chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng của bà L1.

2. Ông Trần Hữu K, sinh năm 1985, trú tại Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Võ Thị Mỹ L quen biết với ông Trần Hữu K thông qua việc L thường xuyên mua quần áo của vợ chồng K. Khoảng tháng 10 năm 2021, L nói với vợ chồng ông K là đang làm đáo hạn ngân hàng cần vay tiền nên nhiều lần ông K chuyển tiền cho L vay, trong thời gian này L trả đủ tiền gốc và lãi cho ông K.

Đến tháng 5 năm 2022, L nhiều lần đưa ra thông tin với ông K là cần tiền làm đáo hạn cho khách làm công trình, hai bên thỏa thuận lãi suất dao động từ 2.000đồng - 2.500đồng/ triệu/ngày, tùy theo khoản vay, L hứa từ 02 đến 03 ngày là giải ngân và trả lại tiền cho ông K, ông K tin tưởng nên nhiều lần chuyển tiền cho L vay, hai bên không viết giấy tờ gì, chỉ nhắn tin với nhau thông qua ứng dụng Zalo để chốt nợ. Sau khi nhận tiền của ông K thì L đã sử dụng để trả nợ cho người khác nhưng không nhớ cụ thể đã trả cho ai và trả một phần tiền gốc và lãi vay cho ông K. Hiện nay, L còn nợ ông K số tiền 3.700.000.000 đồng.

Như vậy, Võ Thị Mỹ L đã đưa ra thông tin gian dối và chiếm đoạt của ông Trần Hữu K với số tiền 3.700.000.000 đồng.

* Kết quả xác minh tại các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xác định Võ Thị Mỹ L có mở tài khoản tại các ngân hàng, cụ thể sau:

+ Ngân hàng V: 0271001087663, số dư: 597.859 đồng.

+ Ngân hàng M1: 6868689999888, số dư: 0 đồng.

+ Ngân hàng M1: 6100178586046, số dư: 0 đồng.

+ Ngân hàng T2: 68682466868, số dư: 234.117 đồng.

Qua kiểm tra sao kê tài khoản ngân hàng của Võ Thị Mỹ L thể hiện L nhận tiền của người này trả cho người kia, (vay, trả xoay vòng).

* Kết luận giám định:

Tại bản kết luận giám định số 157/KL-KTHS, ngày 26/4/2022 của Phòng K3 Công an tỉnh giám định dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động Iphone 8 Plus của Trần Hữu K, kết quả: Trích xuất được nội dung tin nhắn giữa ông Trần Hữu K với Võ Thị Mỹ L trong ứng dụng Zalo và được đưa vào 01 phụ lục và sao chép vào 01 đĩa DVD.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 31/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố Võ Thị Mỹ Linh về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Mỹ L từ 12 năm đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Võ Thị Mỹ L hoàn trả tiền đã chiếm đoạt cho bà Phạm Thị L1, ông Trần Hữu K.

Phát biểu của Luật sư Trần Văn H1 bào chữa cho bị cáo Võ Thị Mỹ L: Cáo trạng của Viện kiểm sát kết luận bị cáo Võ Thị Mỹ L chiếm đoạt của ông Trần Hữu K số tiền 3.700.000.000 đồng, bà Phạm Thị L1 số tiền 450.000.000 đồng; tuy nhiên, chưa điều tra làm rõ trong số tiền 3.700.000.000 đồng bị cáo L chiếm đoạt của ông K thì có bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi và trong số tiền 450.000.000 đồng bị cáo L chiếm đoạt của bà L1 thì có bao nhiêu tiền gốc, bao nhiêu tiền lãi. Vì vậy, chưa có cơ sở vững chắc để truy tố bị cáo Võ Thị Mỹ L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa người bị hại bà Phạm Thị L1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Minh U, ông Tô Đình Đ, ông Đình Trọng T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh L2, bà Phạm Thị Thanh H2 và người làm chứng bà Trần Thị Xu N1, bà Nguyễn Thị Xuân L4 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử.

[4] Hành vi của bị cáo Võ Thị Mỹ L:

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thị Mỹ L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở xác định trong khoảng thời gian từ đầu năm 2022 đến tháng 5/2022, vì cần tiền để trả nợ cho nhiều người mà Võ Thị Mỹ L đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bà Phạm Thị L1 và ông Trần Hữu K, cụ thể:

1. Đối với bà Phạm Thị L1: Bị cáo Võ Thị Mỹ L hỏi vay tiền của bà L1 để đáo hạn ngân hàng và gia hạn thời hạn sử dụng đất tại Phường N, thị xã Đ và căn nhà tại số B V, thành phố Q; vì trước đó bị cáo L đã vay của bà L1 nhiều lần, trả đầy đủ và chốt nợ 250.000.000 đồng nên bà L1 tin tưởng cho bị cáo L vay tiếp với số tiền 450.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế sau khi nhận tiền từ bà L1, L không sử dụng đúng mục đích như đã nói với bà L1 mà sử dụng để trả nợ. L đã chiếm đoạt của bà L1 số tiền 450.000.000 đồng.

2. Đối với ông Trần Hữu K: Lợi dụng mối quan hệ thường xuyên mua quần áo của vợ chồng ông K, vào khoảng tháng 10/2021 L nói với vợ chồng ông K đang làm đáo hạn ngân hàng cần nhiều tiền nên nhiều lần yêu cầu ông K chuyển tiền cho L vay, để tạo lòng tin với vợ, chồng ông K nên L đã trả tiền gốc, lãi đầy đủ. Tháng 5/2022, L tiếp tục đưa ra thông tin với ông K cần tiền đáo hạn cho khách làm công trình và hứa từ 02 – 03 ngày giải ngân thì trả lại tiền cho ông K. Ông K tin tưởng nên đã nhiều lần chuyển tiền cho L, nhưng sau khi nhận tiền L không sử dụng đúng mục đích như đã nói với ông K mà sử dụng để trả nợ cho ông K và những người khác. L đã chiếm đoạt của ông K số tiền 3.700.000.000 đồng.

[5] Bị cáo Võ Thị Mỹ L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì hết khả năng trả

nợ nên bị cáo đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo Võ Thị Mỹ L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Võ Thị Mỹ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, làm mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc và hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục bị cáo và mang tính răn đe phòng ngừa chung.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Võ Thị Mỹ L: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã nộp 50.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo.

[8] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Võ Thị Mỹ L: Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đều đủ định lượng cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9] Trách nhiệm dân sự: Trong thời gian khoảng đầu tháng 5/2022, bị cáo Võ Thị Mỹ L đã chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị L1 số tiền là 450.000.000 đồng, ông Trần Hữu K số tiền 3.700.000.000 đồng. Bị cáo chưa trả lại cho những người bị hại. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

[10] Đối với việc bị cáo Võ Thị Mỹ L vay 250.000.000 đồng của bà Phạm Thị L1 là quan hệ dân sự, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Những vấn đề liên quan:

[11.1] Đối với 06 người mà Võ Thị Mỹ L vay, mượn tiền như: Ông Trần Thanh L2 (sinh năm 1988, trú tại tổ D, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi); bà Đ1 Huỳnh Thị Thúy K1 (sinh năm 1967, trú tại thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi); bà Nguyễn Thị Hương L3 (sinh năm 1988, trú tại B A, tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi); ông Tô Đình Đ (sinh năm 1990, trú tại A T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng); bà Phạm Thị Thanh H2 (sinh năm 1991, trú tại E T, tổ G, phường N, thành phố Q); bà Phạm Thị Diễm M (sinh năm 1991, trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh). Qua làm việc, ông L2, bà K1, bà L3, ông Đ, bà H2, bà M đều khai nhận chỉ có quan hệ cho L vay, mượn tiền, số tiền mà L chuyển vào tài khoản là để trả nợ và những người này không biết nguồn gốc số tiền L đã trả nên ông L2, bà K1, bà L3, ông Đ, bà H2, bà M không đồng phạm với L trong tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cũng không có dấu hiệu của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có hoặc tội rửa tiền. Đồng thời, đây là giao dịch dân sự, những người trên không có đơn tố

giác về tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét; việc vay, mượn diễn ra trong thời gian dài và vay, trả xoay vòng nên không có cơ sở truy thu số tiền mà L đã chuyển cho ông L2, bà K1, bà L3, ông Đ, bà H2, bà M.

[11.2] Đối với bà Trần Minh U, sinh năm 1990, trú tại Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi:

Bà Trần Minh U quen biết với L từ trước nên vào khoảng tháng 12 năm 2020, L bắt đầu vay tiền của bà U, việc vay, mượn thông qua chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho L nhưng hai bên không viết giấy tờ gì. Hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất dao động từ 1.500đồng - 2.500đồng/triệu/ngày, tùy theo khoản vay.

Bà U khai: Tổng số tiền L đã vay, mượn và còn nợ của bà U là 24.450.000.000 đồng nên ngày 24/10/2022 bà U có đơn tố giác L chiếm đoạt số tiền trên. Việc vay, mượn tiền giữa bà U và L không có giấy tờ và hiện nay bà U cũng không xác định được số tiền L còn nợ bà U là bao nhiêu chỉ nhớ và xác định là 24.450.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bà U và L để xác định số tiền nhưng hai bên không xác định được. Ngoài ra, hiện nay giữa L và bà U cũng không xác định được số tiền L còn nợ U là bao nhiêu và không có căn cứ xác định trước khi vay, mượn tiền thì L đưa ra thông tin gian dối. Ngày 28/11/2023 bà U đã tự nguyện rút đơn để tự thỏa thuận giải quyết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bà Trần Thị Minh U1.

[11.3] Đối với ông Đinh Trọng T1: Ngày 13/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi có quyết định Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T1 và Võ Thị Mỹ L, bản thân ông T1 không biết việc L đưa ra thông tin gian dối để nhận tiền của những người bị hại và không biết việc L sử dụng tiền chiếm đoạt vào mục đích gì nên không có căn cứ xác định ông T1 đồng phạm với L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[12] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo Võ Thị Mỹ L đã nộp số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Hiện số tiền này đang được gửi vào tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Q. Do đó, tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

[13] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Tại phiên tòa và các lời khai có tại hồ sơ vụ án bị cáo Võ Thị Mỹ L thừa nhận đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị L1 số tiền 450.000.000 đồng và chiếm của ông Trần Hữu K 3.700.000.000 đồng đều là tiền gốc. Vì vậy, đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí:

- Bị cáo Võ Thị Mỹ L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Võ Thị Mỹ L phải chịu 113.500.000 đồng [112.000.000 đồng + (150.000.000 đồng x 0,1%)] án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Võ Thị Mỹ L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Mỹ L 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (06/6/2023).

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Buộc bị cáo Võ Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị L1 số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Võ Thị Mỹ L phải chịu trách nhiệm trả lại cho ông Trần Hữu K2 số tiền 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3] Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo Võ Thị Mỹ L đã nộp số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Hiện số tiền này đang được gửi vào tài khoản số 3949.0.1054192.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Q. Do đó, tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản ngày 18/3/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q và Kho bạc nhà nước tỉnh Q).

[4] Về án phí: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Bị cáo Võ Thị Mỹ L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 113.500.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang